

Phẩm 23: THĂNG ĐÀU SUẤT THIÊN CUNG

- Sớ câu: “Kinh Bồ tát Đại thừa Tạng nói”: Hoặc nói gọn là: “Kinh Bồ tát Tạng” gồm một quyển, cũng gọi là “Lễ Phật Sám hối tùy hỷ”. Phần sau của kinh nói rộng về công đức của sự Hồi hướng. Phần trước nêu rõ việc dùng bảy báu đủ khắp hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, cúng dường nơi Phật. Sau nói: “Thực hành pháp Hồi hướng này thì công đức hơn hẳn phân công đức trước.” Tức là nói “dẫn khởi về quả vô lượng”. Đây là tóm tắt nghĩa để nêu dẫn.

- Sớ câu: “Tâm Hồi hướng tạo nên lợi ích lớn”: Tức ngầm dẫn kinh Tịnh Danh, phẩm Phật đạo, kệ của Cư sĩ Duy-ma trả lời câu hỏi của Bồ tát Phổ Hiện Sắc Thân. Kệ viết:

*“Giàu có: bảy Thánh tài
Dạy, trao để thêm lời
Tu tập theo chỗ nói
Hồi hướng tạo lợi lớn”.*

Nói “Cho nên Hành sau đây được nêu rõ”: Là “Hồi” các Hành nơi phần trước.

- Sớ câu: “Cũng có ba nghĩa”: Tức nơi về phần một: “Được mang tên” của Hội, thuộc phần “Giải thích tên gọi”. ba Nghĩa là:

Một: Căn cứ vào nơi chốn, gọi là “Đâu Suất Thiên cung Hội”.

Hai: Căn cứ nơi người, gọi là: “Kim Cang Tràng Bồ tát Hội”.

Ba: Căn cứ vào pháp thì gọi: “Thập Hồi hướng Hội”.

- Sớ từ câu: “Nơi chốn, tức chỗ giảng nói ấy” tiếp xuống: Câu này là nêu ra. Từ câu: “Biểu hiện về thứ bậc” tiếp xuống: Là đáp lại. Phần đáp có sáu ý:

Một: “Hạnh” trước ở nơi cõi Dạ Ma. Nay, Hồi hướng siêu vượt so với trước nên ở nơi cõi Đâu Suất. Chính là căn cứ nơi thứ lớp.

Hai: Chọn lấy tên cõi Trời là “Tri túc”.

Ba: Căn cứ nơi Thiên chủ mà nói.

Bốn: Lại dựa theo “Tri túc” để giải thích. Trước là căn cứ nơi chỗ đủ của Tự lợi. Còn ở đây là căn cứ nơi chỗ đủ của Lợi tha.

Năm: Căn cứ theo Trung đạo mà nói.

Sáu: Căn cứ theo sự quân bình để giải thích.

Nói “Lại sinh nơi cõi Trời ấy tu tập ba thứ phước”: Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ ba mươi hai: “Cho nên nói tu Bố thí, Trì giới thì được thọ thân Trời cõi trên và dưới. Tu Thí, Giới, định thì được thọ thân Trời nơi cõi Đâu Suất”.

- Sớ câu: “Ba là căn cứ nơi công dụng viên mãn”: Tức địa thứ tám, phần đầu có nêu rõ tổng quát về sự tập hợp các phương tiện tạo ra “Phần địa”, tập hợp bảy địa trước làm phương tiện cho địa thứ tám.

Bốn là, nơi thập Địa, phần đầu có nói về phương tiện tạo đầy đủ cho “Phần địa” ấy.

- Sớ câu: “Chưa hẳn đã đầy khởi thần cảnh thông”: Đây tức nơi phần đầu quyển thứ mười hai của kinh ở trước, đều tùy theo loại mà hiện bày thần thông. Phần còn lại nói bốn Hội đã theo đấy. Có thể nhận biết.

- Sớ câu: “Hoặc có thể cho đoạn thứ hai biện minh về Hồi hương”: Do đoạn thứ nhất căn cứ nơi bậc thứ là mười Trụ. Đoạn thứ ba nêu rõ về mười Độ, hoàn toàn giống với thập Hạnh. Cho nên đoạn thứ hai phối hợp với Hồi hương. Đoạn thứ tư phối hợp với thập Địa. Tức nêu đầy đủ quả vị theo chiều dọc.

Do trong đoạn thứ hai thần thông chẳng bị hủy hoại, tức cũng có ý Hồi hương. Đoạn thứ tư Hội nhập khắp các cõi Phật cũng có uy thế nơi Thế của thập Địa, nên vì đấy mà phối hợp.

Do phần hai, ba ở trước đã bỏ phần hai, bốn không hiển bày, nên ở đây, trước là chính thức giải thích, sau là ba câu cùng chung cho các quả vị.

- Sớ câu: “Tĩnh động ở trong nên hiện ra nơi ngôn từ”: Tức nơi Lời Tựa tập thơ của Tử Hạ. Văn đầy đủ là: “Tĩnh động bên tr nơi phẩm Ly Thế Gian tán thán Phật có tên gọi về các đức nhưng không giải thích. Nay, văn có giải thích nhưng không có tên gọi. Hơn bốn trang Kinh theo thứ lớp lần lượt giải thích đầy đủ về hai mươi mốt đức của Phật, nên viết là “Văn nghĩa gồm rộng”. Hơn bốn trang Kinh, văn diễn rộng, trong đó câu nghĩa bao quát, thấu gồm những giải thích khác nhau nơi các Luận không sót, nên gọi là “Nghĩa rộng”. Do đấy, nên ở đây đã nêu dẫn về các Luận, đem Luận giải thích Kinh, dùng Kinh chứng minh cho Luận, nên viết là “Theo chỗ thuận tiện”. Người xưa cũng dẫn các Luận nơi phẩm Ly Thế Gian. Đã không có văn kinh Luận không có chỗ y cứ. Do “Không có tên gọi” ấy, nên bậc cổ đức cùng nhầm lẫn. Hòa Thượng Pháp Tạng dùng mười câu của phần tổng kết sau phân làm mười đoạn. Sách “San định Ký” dùng mười sáu đức nơi ba nghiệp để phối hợp, cùng chỗ dẫn tiếp sau, nay đều chẳng dùng.

- Sớ câu: “Phẩm Ly Thế Gian gọi là sự giác ngộ vi diệu thủy viên mãn”: Trên là giải thích “Câu Tổng quát” trong kinh. Từ đây trở xuống là lãnh hội tên gọi khác của câu tổng quát ấy.

Nhưng về Nhiếp Luận, Bản Luận là do Bồ tát Vô Trước tạo, hai vị đại sĩ Thế Thân và Vô tánh đều cùng làm công việc giải thích. Đường Tam Tạng (Pháp sư Huyền Tráng) cùng dịch cả hai bản chú giải ấy, mỗi bản đều gồm mười quyển, ở đây cùng thuộc nơi quyển thứ năm. Nay dựa theo cách giải thích của Bồ tát Vô tánh, nói về Nhân trong Tướng của đối tượng được nhận biết, cho rằng: “Như muốn giải thích pháp Đại thừa, lược do ba Tướng”:

Một: Do thuyết giảng về duyên khởi.

Hai: Do thuyết giảng từ duyên sinh ra Pháp tướng.

Ba: Do thuyết giảng về “Ngữ nghĩa”.

Luận viết: “Nói Ngữ nghĩa, tức là nêu giảng về câu thứ nhất, sau dùng những câu còn lại để phân biệt, hiển bày, hoặc do “Đức xứ”, hoặc do “Nghĩa xứ”. Nơi phần giải thích viết: “Đã đạt được nơi đem lại lợi ích viên mãn, nên gọi là đức. Chưa đạt được ở chỗ đã tùy thuận, hưởng cầu, nên gọi là Nghĩa.”

Luận viết: “Đức xứ, nghĩa là nói về công đức của Phật, tức hai mươi mốt thứ công đức thù thắng”. Phần giải thích nêu: “Sự giác ngộ thanh tịnh tột bậc, tức là câu thứ nhất. Do chỗ các câu còn lại mở bày, hiển thị về nghĩa ấy.”

- Số câu: “Thân Quang giải thích”: Thân Quang là Luận chủ Phật Địa Kinh Luận. Hai bản chú giải Nhiếp Luận không giải thích “Câu tổng quát”. Bồ tát này giải thích tự có ba cách. Phần Số giải liền dùng nghĩa ấy để phân biệt, giải thích.

Tuy nhiên, ba cách giải thích này lại có hai ý:

Một là, giải thích riêng về “câu tổng quát”: Thứ nhất giải thích chữ “Chánh”. Thứ hai, giải thích chữ “Tối Thanh tịnh”. Thứ ba, giải thích chữ “Đẳng”. Hai bản kia không có chữ đẳng, nghĩa phù hợp với kinh hiện nay.

Hai là, ở chỗ pháp của đối tượng được giác ngộ, tóm lược bổ sung để nêu ra:

Thứ nhất: Vô vi là Cảnh của đối tượng cần giác ngộ.

Thứ hai: Cho tất cả là Cảnh của đối tượng cần giác ngộ.

Thứ ba: Cho “Tánh như chỗ hiện có” là đối tượng cần giác ngộ. Cho nên có chút ít khác nhau.

Lại nữa:

Một: Hữu vi cùng Vô vi, biện minh tổng quát về đối tượng được giác ngộ không ra ngoài hai lãnh vực ấy.

Hai: Tất cả các pháp được xét tận cùng về chỗ sai biệt của

chúng.

Ba: Như chỗ hiện có v.v... là chung cho chủ thể, đối tượng. Đó như tánh sở hữu của nó, nay sẽ lược nói: Luận tạp tập quyển thứ mười một nói: Sự biên tế (biên hạn tận cùng của sự) là đối tượng duyên; nghĩa là hết thấy tánh sở hữu (vốn có) của tất cả pháp, giống như tánh sở hữu của nó.

- Sở giải thích luận kia nói: Sự biên tế v.v... tức sự có hai loại: 1) Sự về tự tướng. 2) Sự thuộc cộng tướng loại đầu là hết thấy phần lượng pháp của tâm chủ thể duyên. Loại sau là tâm chủ duyên như trong các kinh nói về sở hữu chung (cộng) Thể. Cả hai đều gọi là biên tế. Sự trong đây tức là cảnh. Theo văn phân làm ba: 1) Nêu chương. 2) Chia hai nghĩa, 3) Giải thích phân biệt. Đây là giải thích phân biệt; Luận nói: Hết thấy tánh vô sở hữu là các Uẩn, Xứ, Giới. Đó là Thể, sự của các pháp được nhận thức, hiển bày. Chỉ có từng ấy phần lượng biên tế, nên kiến tập ba thứ: Uẩn, Giới, Xứ Sở kia giải thích: Là hết thấy tự tướng của các pháp. Hữu vi vô vi, luận nói: Như tánh sở hữu nghĩa là bốn Thánh đế mười sáu Hành, tất cả hành chân như, tất cả hành vô thường, khổ, tất cả pháp vô ngã Niết-bàn, tịch tĩnh v.v... Không vô tướng vô nguyên Sở kia giải thích; trong đây lược nói bốn loại cộng tướng: 1) Môn đế: Bốn Thánh đế. 2) Môn hành; Mười sáu hành và chân như. 3) Môn Ô đà nam: Tất cả hành vô thường cho đến tịch tĩnh. 4) Môn Giải thoát: Không, vô tướng, vô nguyên. Luận ấy nêu cảnh, không nêu chủ thể thấu rõ. Luận lại nói: Do các môn nghĩa sai biệt như thế, hiểu rõ cảnh của đối tượng nhận biết ấy gọi là “Như tánh sở hữu”.

- Sở giải đây giải thích tên chung: Nghĩa là do bốn Đế mười sáu hành như thế v.v... là nghĩa sai biệt trong hết thấy tánh sở hữu, nên tâm chủ thể duyên như trong các vốn có sự sai biệt, thấy đều biết rõ, vì thế gọi là “Như tánh sở hữu”. Luận hoặc cho rằng Đế môn để hiểu rõ cảnh của đối tượng nhận biết. Sở giải Luận này nói: Nghĩa là uẩn, Giới, Xứ tùy phân thích ứng liễu tri về nó là Khổ cho đến Đạo đế. Lại giải thích bốn thứ sai biệt tức tổng quán Uẩn Giới Xứ trong tất cả tánh sở hữu. Hữu lậu có hai là quán khổ tập. Vô lậu có hai là quán Diệt Đạo. Luận lại nói hoặc dùng Hành môn để liễu tri cảnh của đối tượng nhận biết. Tức mỗi một Đế đều có bốn hành cho đến cả pháp không sai biệt gọi là Hành Chân như. Sở kia giải thích: Trước là Đế và Pháp môn dựa theo Sở duyên, nay là dựa vào năng duyên. Luận lại nói về Ô đà nam. Trước đây dịch là Ưu-đà-na là sai, đúng nghĩa của Ô đà nam là không hỏi Phật tự nói, cũng là tóm lược nghĩa. Tóm lược tướng của tất cả hành

vô thường v.v... là Hữu vi, Niết-bàn tịch tĩnh là Vô vi. Luận lại nói môn giải thoát. Tức dùng ba môn không vô tướng, vô nguyện để liễu tri cảnh của đối tượng nhận biết. Sở kia giải thích: Ly hệ Niết-bàn là giải thoát. Không định các tâm sở là chỗ dựa vào hướng đến Niết-bàn.

Giải thích nghĩa của hai Tánh đã lược nói đủ, hết thấy tánh sở hữu của nó chỉ là Thế đế. Như tánh sở hữu là chung cho hai đế, tức hiển bày tự tướng, cộng tướng của Như lai.

- Sở từ câu: “Nghĩa là cùng soi chiếu nơi hai đế” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích về nghĩa thứ hai.

Từ câu: “Kinh kia không có câu Chánh đẳng” tiếp xuống: Là lãnh hội về bốn đoạn kinh, văn nêu bày có sự tóm lược, bổ sung, nói chung đều hàm chứa đầy đủ trong đó. Gồm hai:

Một: Nêu ra chỗ khác nhau của bốn đoạn.

Hai: Từ câu: “Diệu nghĩa là vi diệu” tiếp xuống: Là kết hợp giải thích dung thông.

- Sở câu: “Diệu, Chánh, Biến, Tối, về tên gọi, nghĩa đều riêng, là chỗ phân biệt với phần khác”:

“Diệu” thì phân biệt với chỗ chấp giữ nơi Tướng. “Chánh” phân biệt nơi Tà. “Biến” thì phân biệt với chẳng khắp. “Tối” phân biệt với chỗ chưa tận cùng. Như Hội thứ nhất đã nói. Các nghĩa còn lại có thể nhận biết.

- Sở câu: “Nay mỗi câu mỗi câu đều phối kết”: Do ba đoạn trong Luận đều cùng lúc nêu lên. Nghĩa là, thứ nhất nêu lên hai mươi một câu Kinh. Thứ hai, Bản Luận cùng một lúc lập hai mươi một tên gọi của đức. Thứ ba, Thích Luận lần lượt trong một lúc lập lại nơi kinh. Nay phối hợp chọn thành hai mươi đoạn.

Trong phần Sở giải văn đều gồm hai:

Một: Giải thích nghĩa của tên gọi.

Hai: Giải thích văn của Kinh.

Nay, nơi phần một nói về “Sự hiện hành không hai”, trong phần giải thích về nghĩa của tên gọi ở trước đã nêu đầy đủ về Kinh, Luận cùng giải thích cả ba đoạn, có thể nhận biết.

Song, trong Thích Luận của Bồ tát Vô tánh thì trước là nhắc lại tên gọi của công đức nơi Bản luận, sau mới nêu rõ về Kinh. Như đoạn này, đã viết: “Nghĩa là, nơi đối tượng được nhận biết, toàn bộ không có chướng ngại, các công đức chuyển biến”. Đây tức là “Mở bày, chỉ rõ” về “Sự hiện hành không hai”. Phần sau đều dựa theo đây.

Bồ tát Thế thân thì trước đã lập lại Kinh. Nay, nơi phần Sở giải

đều trước là lập lại Kinh, sau là dẫn chỗ “Lập danh” của Bản Luận. Cho nên trong phần giải thích nghĩa của tên gọi lại phân làm hai:

Một: Nhắc lại chỗ “Nêu tên” nơi Kinh.

Hai: Dẫn Thích Luận để giải thích.

Trong phần một, năm chữ “Tức quan sát Như Lai” là phần Sớ giải thêm vào, thuận nơi phần kinh ấy quan sát đức của Phật. Phần còn lại đều là văn của Luận kia.

Nay, nơi phần thứ nhất nói về “Sự Hiện hành không hai” thì:

Một: Nhắc lại chỗ nêu tên của kinh, có thể nhận biết.

- Sớ từ câu: “Hai cách giải thích của Bồ tát Vô tánh” tiếp xuống:

Là phần hai, dẫn Thích Luận để giải thích. Phần này gồm ba:

Một là, Nêu cách giải thích của Bồ tát Vô tánh.

Hai là, Kết hợp hai Luận.

Ba là, Nêu phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Một là: Trong phần giải thích thứ nhất lại chia làm ba:

Thứ nhất: Nêu cách giải thích của Luận.

Thứ hai: Từ câu: “Đây là căn cứ vào chỗ lìa Sở tri chướng” tiếp xuống: Là phần Sớ giải dùng ý nơi đoạn diễn rộng sau của Bồ tát Vô tánh để nêu ra Thể của đức.

Thứ ba: Từ câu: “Chẳng phải như” tiếp xuống: Là Sớ giải thích Luận.

Nơi phần giải thích thứ hai, từ câu: “Ở đây, giải thích về hai Xứ” tiếp xuống: Là phần Sớ giải kết hợp hai nghĩa.

- Sớ câu: “Bồ tát Thế Thân thì đồng với cách giải thích sau”: Tức là văn hoàn toàn giống nhau. Tuy nhiên, cách giải thích của Bồ tát Thế Thân có bốn chi tiết:

Một: Nhắc lại chỗ lập danh của Kinh.

Hai: Tự giải thích.

Ba: Nêu lên chỗ Bản Luận được trích dẫn.

Bốn: Giải thích lần nữa.

Như đoạn này, đã nêu: “Trong đây, nói về “Sự Hiện hành không hai”, tức trong hai sự Hiện hành là điều không thể có. Đó là ở nơi đối tượng được nhận biết toàn bộ là không chướng ngại khi công đức chuyển biến. Chẳng phải như hàng Thanh văn, Độc giác, trí cũng có bị chướng ngại, cũng không chướng ngại”.

- Sớ từ câu: “Bồ tát Thân Quang cho rằng” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ giải thích của Bồ tát Thân Quang, toàn bộ là đồng, văn ở đây có tính chất dung hợp.

- Sở từ câu: “Bồ tát Vô tánh diễn rộng cho là” tiếp xuống: Là đoạn thứ ba, đây là Thích Luận của Bồ tát Vô tánh, nói chung là hoàn toàn lập lại thứ lớp của phần diễn rộng ở đầu. Nhưng có người không hiểu cho là giải thích lần nữa. Nay cũng trích dẫn phần diễn rộng làm hai mươi đoạn, mỗi mỗi câu đều phối hợp riêng. Đây tức là nối tiếp nơi “Câu tổng quát” ở trước làm phát sinh câu thứ nhất trong phần riêng ấy. Cho nên chỗ giải thích trước viết: “Đoạn kinh này căn cứ nơi sự lìa Sở tri chướng, chẳng nhiễm vô tri” tức Thể của Sở tri chướng phân biệt khác cấu nhiễm ô, vô tri.

- Sở từ câu: “Trong đó vẫn được phân làm hai” tiếp xuống: Là phần hai giải thích văn, cùng dùng cả hai Luận.

Phần đầu, “Đem lại lợi lạc rộng khắp” là ý của Bồ tát Thân Quang. “Lìa Sở tri chướng” là ý của Thân Quang. Nếu căn cứ vào chỗ giải thích của Bồ tát Thân Quang về “Chỗ Hiện hành không hai” thì cùng lìa cả hai chướng, cùng khác với hàng phàm phu và Tiểu thừa.

- Sở câu: “Định Tuệ trang nghiêm, làm phát sinh thiện căn nơi muôn loài”: Là giải thích Kinh, đoạn “từ dùng sự trang nghiêm của Phật đến “an trụ nơi thiện căn”.

Nói “Định Tuệ”, tức nơi kinh Pháp Hoa quyển thứ nhất kệ viết:

*“Phật tự trụ Đại thừa
Như chỗ pháp đạt được
Lực Định, Tuệ trang nghiêm
Dùng đầy độ chúng sinh.”*

- Sở câu: “Chủ thể trụ, đối tượng được trụ, cả hai cùng rộng lớn”: Đối tượng được trụ tức là Thân pháp giới biến hiện khắp tất cả nơi chốn. Cho nên Trí rộng lớn xứng hợp với Pháp thân. Chân tánh ấy như ánh sáng mặt trời hòa hợp với Hư không.

- Sở từ câu: “Nêu đủ hai nghĩa ở trên” tiếp xuống: Là tóm kết, quy về câu tổng quát, gồm luôn việc so sánh với phần văn sau.

- Sở từ câu: “Thứ hai là từ Trí tuệ trở xuống” tiếp xuống: Là nói về đức thứ hai, trong đó gồm hai phần:

Một: Nhắc lại chỗ nêu tên của Kinh.

Hai: Từ câu: “Bồ tát Vô tánh nói” tiếp xuống: Là dẫn Thích Luận để giải thích. Phần này lại phân làm hai:

Một là, Nêu rõ chỗ diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Năm chữ “Tức Niết-bàn Vô trụ” là phần Sở giải thêm vào. Phần còn lại đều là Luận.

Hai là, Từ câu: “Tuy nhiên, pháp vô tướng” tiếp xuống: Là phần

Sớ giải dùng Thích Luận để giải thích.

Sớ giải đã dùng cả hai Thích Luận, văn dung hợp cả Kinh cùng Bản luận, về danh, lý thì đều thể hiện trọn vẹn, mà văn thì có chỗ bỏ bớt. Dẫn đầy đủ về Bồ tát Vô tánh là: “Nghĩa là, Chân như ấy có tướng Viên thành, không có tướng Biến kể sở chấp. Do lý của đạo ấy, biện minh không có hai Tướng, không có tướng không có là thật có, không có tướng có là đối tượng chấp về không. “Thanh tịnh tối thắng nên có thể nhập nơi công đức”, tức là chỗ thanh tịnh tối thắng của Chân như là bậc nhất, hơn hết trong tất cả các pháp, xa lìa mọi cấu nhiễm của khách trần, nên ở nơi Chân như ấy tự giác, có thể hội nhập, cũng khiến cho người khác hội nhập. Do đó gọi là: “Thanh tịnh tối thắng, có thể hội nhập nơi công đức”.

Bồ tát Thế Thân giải thích: “Hương tối pháp Vô tướng”, nghĩa là Chân như thanh tịnh gọi là pháp vô tướng. “Hương tối” là Hương nhập, tức ở nơi có không, không thấy có hai tướng. “Chân như thanh tịnh tối thắng có thể hội nhập nơi công đức” nghĩa là Chân như ấy chẳng phải là tướng có. Các pháp dùng tánh không làm Tướng, nên cũng chẳng phải tướng “Không có” mà là Tự tướng có. Ở nơi Vô tướng ấy, Chân như thanh tịnh tối thắng có thể hội nhập.”

Giải thích: Xem hai đoạn Luận nêu trên, đem đối chiếu với văn nơi bản Sớ giải là rõ ràng, có thể nhận thấy.

- Sớ câu: “Trụ khắp nơi thân của muôn loài, là Tánh của Tâm chân như”: Tức như có kệ viết:

*“Ta nay thấu rõ Tánh Như Lai
Như Lai nay ở trong thân ta
Ta cùng Như Lai không sai biệt
Như Lai tức là Chân như ta”.*

- Sớ từ câu: “Vì nhằm đạt được” tiếp xuống: Là phần thứ hai, dẫn Thích Luận để giải thích. Hoàn toàn là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh, nghĩa ở trong phần văn được giải thích.

- Sớ từ câu: “Trong văn, trước là biện minh về” tiếp xuống: Là giải thích văn. Theo số nhiều mà nói, đoạn trước là giải thích Kinh, đoạn sau là giải thích Luận. Tại văn dễ lãnh hội, mà là dùng ý của Luận. Nếu dẫn đầy đủ Thích Luận của Bồ tát Vô tánh là: “Nghĩa là chẳng tạo sự dụng công ở trong các Phật sự đem lại lợi ích cho chúng sinh không hề gián đoạn, tùy theo chỗ ứng hợp mà luôn an trụ thích đáng nơi “Thánh, Thiên, Phạm trụ”. Chẳng phải như hàng Thanh văn cần tạo dụng công mới có thể thành tựu được các sự việc đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Chẳng phải như ngoại đạo, tuy có chỗ trụ, mà không phải là thù thắng. “Thiên Trụ” tức là bốn thứ Tĩnh lự. “Phạm Trụ” tức là Bốn tâm vô lượng như Từ, Bi v.v... “Thánh Trụ” là ba cửa giải thoát: “Không, Vô Tướng, Vô Nguyện.”

Bồ tát Thế Thân viết: “Tức là trụ nơi “Phật sở trụ” là “Vô sở trụ xứ”. Ở trong trụ ấy luôn tạo Phật sự không hề dừng nghỉ”.

Nay dùng cả hai Luận để giải thích văn Kinh.

- Sở câu: “Đại bi, Tánh không là nhà của Phật”: Đại bi là nhà của Lợi tha. Tánh không là nhà của Tự lợi. Kinh Pháp Hoa nêu rõ đại bi là nhà. Kinh Tịnh Danh gọi là “Ngôi nhà tịch tĩnh rất ráo”. Huống chi cả hai cùng dẫn dắt là ngôi nhà chân thật. Cho nên cùng an trụ.

Từ câu: “Cho nên có thể chẳng trụ” tiếp xuống: Tức là đại bi nêu trên là chỗ hỗ trợ của Bát-nhã.

- Sở từ câu: “Như Phật trụ ở trên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng ra của Bồ tát Vô tánh.

- Sở từ câu: “Hết thấy chư Phật” tiếp xuống: Là nối tiếp phần trên để dẫn khởi phần tiếp theo, dùng làm đầu câu hỏi. Cho nên nay đáp lại: “Hòa hợp, xen lẫn mà trụ.” Đây cũng là giải thích Kinh.

Từ câu: “Tất cả chư Phật đều dựa nơi Chân như” tiếp xuống: Là phần Thích Luận. Đây chỉ là nêu tên gọi. Trong văn giải thích riêng về ba sự, đều gồm ba:

Một: Nhắc lại tên gọi.

Hai: Nêu dẫn Thích Luận để giải thích.

Ba: Tùy theo Kinh để giải thích riêng.

Nơi phần một, câu “Phóng ánh sáng lớn tiếp đến” là Sở giải.

Trong phần hai, từ câu: “Nói khiến khắp” tiếp xuống là Sở giải. Phần ba, từ câu “Trước biện minh về tác nghiệp” tiếp xuống, là Sở giải.

Đức này, Bồ tát Thế Thân chỉ phối kết mà thôi.

- Sở từ câu: “Trong sự lợi tha” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là đã tập quen” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi của công đức. Hoàn toàn là văn nơi Thích Luận của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Cho nên Luận gọi là tu tập, đối trị” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích.

Từ câu: “Lại đã đạt được” tiếp xuống: Lại là phần giải thích Luận của Bồ tát Vô tánh. Phần Sở giải đem nối kết với Kinh, nên chỗ tóm kết nói: “Hai văn cùng hiển bày”.

Từ câu: “Trong văn, tâm không” tiếp xuống: Là phần Sở giải dùng ý của Thích Luận để giải thích văn Kinh.

- Sở từ câu: “Do đã có thể đối trị như ở trên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là giáo, chứng, hai pháp” tiếp xuống: Là phần giải thích của Bồ tát Vô tánh.

- Sở từ câu: “Hiển bày, chỉ rõ trong chỗ hóa độ của Như Lai” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là tám thứ gió của thế gian” tiếp xuống: Là phần giải thích. Tức Sở giải dùng ý để giải thích tóm lược, gồm luôn việc kết hợp với kiến giải của Bồ tát Thân Quang, cho năm Trần như Sắc v.v... là cảnh giới của Ma. Đến trong phần giải thích văn mới nêu ra phần Thích Luận.

Trong văn nói: “Chẳng do vì những người mù bẩm sinh không tin mà chẳng hiện bày”: Tức ý trong phần Hồi hướng thứ nhất.

- Sở từ câu: “Như có Tụng viết”: Tức nơi Thích Luận của Bồ tát Vô tánh.

- Sở từ câu: “Do dựa vào phương tiện trước” tiếp xuống: Là phần Diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là mười hai phần giáo” tiếp xuống: Tức phần Sở giải dùng ý của Luận để giải thích. Bồ tát Vô tánh giải thích nêu đầy đủ là: “Tức Khế Kinh nơi mười hai phần giáo gọi là đối tượng được an lập. An lập tự tướng, cộng tướng kia. Sự an lập như thế, chẳng phải là hàng phàm ngu biết được chỗ hành hóa, vì là pháp xuất thế gian. Đối tượng được an lập ấy là chẳng thể nghĩ bàn, tức là công đức.”

- Sở từ câu: “Do phần Gia hạnh ở trên” tiếp xuống là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là ở nơi ba đời” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa. Tức là phần giải thích nghĩa của Bồ tát Vô tánh.

Nhưng trước lại có văn nêu: “Nghĩa là ở nơi ba đời, Pháp tánh bình đẳng nên có thể đi đến, tiếp cận khắp.”

Từ câu: “Tức là ba đời bình đẳng” tiếp xuống Là hoàn toàn giống với Luận kia.

Từ câu: “Cho nên phần sau của kinh nói” tiếp xuống: Là phần chứng minh, xác nhận do trải khắp ba đời. Kinh không hiển bày rõ, nên phải dùng trong phần văn nghĩa còn lại để tạo sự đầy đủ.

- Sở từ câu: “Làm rõ lợi ích nêu trên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh. Nghĩa nằm trong văn dễ nhận thấy nên không

giải thích. Bồ tát Vô tánh viết: “Nghĩa là tùy theo đối tượng hóa độ mà biến hiện khắp các thế giới, thị hiện hai Thân để đem lại lợi lạc”.

- Sở từ câu: “Đoạn thứ mười một” tiếp xuống cho đến câu “Do nơi mười phương nêu trên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là, đối với các cảnh” tiếp xuống: Là phần giải thích nghĩa. Hoàn toàn là văn nơi Thích Luận của Bồ tát Vô tánh.

Trong văn, nêu lên hai nghi hoặc cũng là văn của Thích Luận. Luận chỉ có hai câu: “Chẳng phải đối với các pháp tự chẳng quyết định mà có thể quyết đoán chỗ nghi của kẻ khác. Chẳng phải là lia sự quyết định mà có thể đoán trừ nghi hoặc”. Phần Sở giải chỉ dùng câu trên. Nếu dựa theo Nhiếp Luận (bản dịch vào đời Lương) thì có đủ bốn Trí Vô ngại tức có thể quyết đoán nghi hoặc. Có đủ bốn Biện tài vô ngại, thì có khả năng quyết đoán chỗ nghi hoặc của kẻ khác.

- Sở câu: “Trí Bồ tát trắng sáng. Pháp giới dùng làm xe”: Tức kệ nơi quyển thứ năm mươi chín kinh Hoa Nghiêm.

- Sở câu: “Cũng có thể thuộc Hiện Thọ dụng thân ở trên”: Ở đây, văn chung cho cả hai phần: Trên là dựa theo chỗ thuộc về đoạn mười một là tự đoạn trừ về nghi. Cũng chung cho đoạn thứ mười là Thân ấy lưu chuyển khắp hết thấy thế gian, tức đoạn trừ riêng nghi hoặc của kẻ khác, mới thuộc về đoạn thứ mười một. Do thuộc về phần sau là chính nên viết là: “Cũng có thể thuộc về phần trước”.

- Sở câu: “Đi sâu vào duyên khởi thì mới nghi hoặc, kiến chấp đều mất”: Tức nơi kinh Tịnh Danh:

*“Thâm nhập duyên khởi
Dứt mọi tà kiến
Hai bên có, không
Không còn tập khí.”*

Kệ của đồng tử Bảo Tích:

*“Phật thuyết giảng pháp
Siêu việt có, không
Do đủ nhân duyên
Nên các pháp sinh
Do thấy nhân duyên
Nên đoạn trừ nghi.”*

- Sở Câu: “Do đối tượng được hóa độ là chúng sinh, căn tánh có sai biệt”: Tức phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là hội nhập nơi vô số các Hành” tiếp xuống: Là

giải thích nghĩa. Hai Luận dễ lãnh hội nên chỉ dùng Kinh nối kết Luận mà thôi. Nay phần Số giải thích, ý cho là do thành tựu đại giác là thuộc về đối tượng được nhận biết. Tức là tùy thuận vô số tâm hành sai biệt mà hóa độ, rốt ráo là đạt đến Nhất thiết Trí. Cho nên trong phần giải thích văn đã dùng ý nơi kinh Pháp Hoa: “Khai, thị, ngộ, nhập” để giải thích.

- Số từ câu: “Do tức ở nơi đối tượng hóa độ nêu trước” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là hàng Thánh Thanh văn” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa, đều là ý của Bồ tát Vô tánh.

- Số câu: “Như người cầu được hóa độ, từ kiếp xa xưa kiếm củi”: Tức nơi Luận Đại Trang Nghiêm, quyển thứ chín, nhân nói về việc cúng dường cho hàng Thanh văn được vô lượng phước đức, hướng chi là cúng dường cho Như Lai, liền nêu dẫn sự việc này:

“Ngày xưa, có một người vốn có sức mạnh, phát tâm xuất gia, đi đến chỗ ở của chúng Tăng, tính gặp đức Phật, không gặp, nên tới chỗ Tôn giả Thân Tử. Tôn giả Thân Tử xem người này không có chút thiện căn nào nên không hóa độ. Người ấy đi tới chỗ các vị Tỳ kheo. Chư vị hỏi ai không hóa độ cho ông? Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất. Như thế là lần lượt, người ấy đều không được chấp nhận cho xuất gia. Đức Như Lai vì tâm đại bi nên đã đến nơi cửa phòng chúng Tăng, nói kệ:

*“Thân Nhất Thiết chủng trí
Đại bi dùng làm Thể
Phật ở trong ba cõi
Thấy các người cần độ”.*

Giống như bò mẹ tìm kiếm bò con luôn nhớ nghĩ, yêu mến không hề dứt, người ấy được đức Thế Tôn dùng tay xoa lên đỉnh đầu và rơi lệ khóc lóc, nói lại lý do mình chẳng được hóa độ. Phật liền đọc kệ:

*“Thân tử Xá-lợi-phất
Chưa phải Nhất Thiết Trí
Cũng chẳng rõ thể tánh
Tường tận hạng vừa, thấp
Nhận thức có giới hạn
Nên không thể hiểu sâu
Chưa đủ Trí để biết
Các nghiệp báo vi tế.”*

Rồi dẫn người ấy vào phòng chúng Tăng, cho xuất gia, người ấy đã đạt đạo. Tôn giả Thân Tử hỏi Phật: Con xem người này không có

chút nhân lành nào. Vì sao mới được Phật hóa độ liền chứng đắc đạo quả?

Phật bảo: Trí tuệ của Tôn giả chưa được sâu xa. Người này, về thời quá khứ vô lượng kiếp về trước là một người nghèo, thường đi vào các chốn vắng vẻ nơi rừng núi để tìm củi, bị cọp rượt, vì quá sợ hãi nên đã niệm “Nam mô Phật”. Chúng tử đó đến nay đã thành thực, nên được Như Lai hóa độ thì liền chứng đắc quả A-la-hán.”

Do vậy mà phần trên đã nói: “Thiện căn mỏng ít, nhưng tùy thuộc chúng tử”.

- Sở câu: “Tức đoạn thứ mười một là tự đoạn trừ nghi hoặc”: Nếu dựa theo hai vị Vô tánh, Thế Thân thì đều cho đoạn thứ mười một là đoạn trừ nghi hoặc cho kẻ khác. Nay thuận theo Bồ tát Thân Quang nên nói như vậy.

- Sở từ câu: “Do trên cho rằng: Khéo léo phân biệt biết” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh. Trên đây là phần Sở giải nối tiếp đoạn trước để dẫn đến phần sau. Bồ tát Vô tánh chỉ nói: “Tức đối với đối tượng được hóa độ là chúng sinh cùng hành cả tà, chánh, mà ứng hiện tướng không thể phân biệt”. Nghĩa ở trong văn.

- Sở từ câu: “Nhưng Bồ tát Vô tánh cho rằng” tiếp xuống: Là kết hợp, lãnh hội về Thích Luận. Giải thích của Bồ tát Vô tánh đầy đủ là: “Tùy thuận chúng sinh với đủ loại Thắng giải, hiện thân sắc vàng ròng. Tuy hiện thân ấy mà không phân biệt. Như ngọc Ma-ni cùng tiếng tiêu tiếng sáo. Nói rộng như nơi Kinh Như Lai Mật Nghiêm”.

Giải thích: Ở đây phần Sở giải đã xét đoán tức thuận với văn hiện tại.

- Sở câu: “Cù Ba quan sát các lỗ chân lông nơi thân Phật”: Tức nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ bảy mươi lăm (Cù Ba là Thiện tri thức thứ bốn mươi của đồng tử Thiện Tài).

- Sở từ câu: “Trong đoạn thứ mười lăm, từ câu: Vì muốn dẫn dắt, phát khởi” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Ngôn từ cùng chỗ cầu đạt” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích kinh, nghĩa ở nơi văn được giải thích. Trong đó, nói: “Trí đã cầu đạt ấy, tức là chỗ nương tựa của vô lượng Bồ tát”: Tức là phần giải thích của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Mà nói đạo” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích Kinh.

- Sở từ câu: “Nghĩa là do vô lượng Bồ tát” đến câu: “Đạt được diệu Trí”: Đây là phần giải thích của Bồ tát Vô tánh. Bản Luận tiếp đây lại có văn nói: Bồ tát dị loại tiếp nhận phó chúc, lần lượt nối tiếp không

gián đoạn mà chuyển. Do sự chứng ngộ này mà đạt được trí của tất cả các Bồ tát vốn mong cầu.

Giải thích: Đây tức là phần trong sớ nói về trí, đối tượng được thành tựu, nghĩa là dựa vào trí này chuyển hóa chúng sinh khiến cho phát sinh trí tuệ thành tựu này. Vì vậy, Bồ tát đều mong cầu.

- Sớ từ câu: “Vì nhằm ngăn chặn đối tượng được hóa độ” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Do viên mãn các pháp Ba-la-mật” tiếp xuống: Là Sớ giải dùng ý để đáp lại nghi vấn ở trước.

Từ câu: “Nói không hai” tiếp xuống: Tức Bồ tát Vô tánh dùng văn nơi kinh kia để lãnh hội Bản Luận.

Từ câu: “Bình đẳng có hai nghĩa” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa. Hai nghĩa về Bình đẳng đều ở nơi Thích Luận của Bồ tát Vô tánh. Luận viết: “Dựa nơi Pháp thân bình đẳng, nên quả vị nơi các pháp Ba-la-mật thành tựu viên mãn”. Tức là ý ở trước.

Luận viết: “Hoặc bình đẳng là không tăng không giảm. Ở nơi Pháp thân, tất cả các pháp Ba-la-mật đã thành tựu viên mãn, trong ấy không có hoặc tăng hoặc giảm. Chẳng phải như ở trong Bồ tát địa kia, các pháp Ba-la-mật đa có tăng có giảm.”

Giải thích: Đây tức là ý sau. Trong hai nghĩa thì nghĩa trước, bình đẳng thuộc về Pháp thân. Nghĩa sau, thì bình đẳng thuộc về các pháp Ba-la-mật. Nhưng dựa nơi Pháp thân là đối tượng được viên mãn. Nơi các pháp Ba-la-mật là chủ thể viên mãn.

Phần sau, theo Bồ tát Thân Quang thì Pháp thân tức là các pháp Ba-la-mật. Bồ tát Thế Thân thì đồng với nghĩa trước của Bồ tát Vô tánh.

- Sớ câu: “Sự hòa hợp nơi phá bỏ Thức” tiếp xuống: Tức là ý nơi Luận Khởi Tín. Văn ở phần trước đã dẫn. Phần sau lại biện minh lần nữa.

- Sớ từ câu: “Do người ngoài nghe” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là mười Thân của tất cả Như Lai” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa.

Đây là tác giả bản Sớ giải giải thích chung về nghĩa chẳng gián đoạn, xen lẫn trong Kinh.

- Sớ từ câu: “Song, Kinh nói: Như Lai giải thoát” tiếp xuống: Là kết hợp chỗ khác nhau nơi kinh, Luận. Trong đó, phần thứ nhất nêu dẫn hai đoạn nơi Thích Luận để nêu rõ Bản Luận đồng với Kinh. Cho nên

nói: “Thắng giải gọi là giải thoát. Vì sao Thắng giải được gọi là giải thoát? Thắng giải ở nơi Cảnh thu nhận, giữ gìn là Tánh. Như hiểu rõ đại địa tạo “Dung dịch vàng ròng” liền thành vàng ròng. Hiểu rõ một tạo ra nhiều” nên là nhiều. Đây tức là tác dụng chẳng thể nghĩ bàn nơi giải thoát. Như kinh Tịnh Danh nói: “Đạt được pháp giải thoát ấy thì có thể khiến núi Tu di đi vào trong lòng hạt cải”.

Thứ hai: Từ câu: “Lại nữa, Thắng giải” tiếp xuống: Là chung cho cả Chủ thể hóa độ và đối tượng được hóa độ. Phần này có thể nhận biết.

Thứ ba: Từ câu: “Bồ tát Thân Quang nói” tiếp xuống: Là biện minh sự giải thoát do lìa chướng ngại.

Thứ tư: Từ câu: “Xem Kinh hiện tại” tiếp xuống: Là thấu gồm chung các Luận.

Thứ năm: Câu: “Thêm chỗ tự đạt được lìa chướng của Phật”: Do Bồ tát Thân Quang chỉ nói khiến chúng sinh lìa chướng.

- Sở từ câu: “Sở dĩ gọi là chẳng gián đoạn, xen tạp” tiếp xuống: Là tùy theo vấn nạn mà giải thích riêng. Tức là giải thích Kinh. Trong đó, trước nêu lên câu hỏi; sau: Từ câu: “Cho nên chỗ thuộc về chẳng đồng” tiếp xuống: Là giải thích chỗ thuộc về chẳng giống nhau, tức là nghĩa không xen tạp. Như ngàn ngọn đèn đều khác nhau, mà ánh sáng tầng tầng lớp lớp đều biến hiện khắp, là nghĩa không gián đoạn. Như lớp lớp ánh sáng hòa quyện vào nhau, nên ở trên đã nêu chung: “Như ngàn ngọn đèn chiếu sáng trong gian nhà tối tăm”.

- Sở từ câu: “Trên tức là Tâm có cao thấp” tiếp xuống: Tức ý nơi Kinh Tịnh Danh. “Phạm vương Loa Kế nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Do tâm của Tôn giả có cao thấp, không dựa vào trí tuệ của Phật, nên thấy cõi này là bất tịnh”. Nay nêu rõ cõi biến hóa ở trên là tùy theo tâm cao, thấp. Ở đây, đã thấy được “Thọ dụng” là nhờ dựa vào tuệ giác của Phật.

- Sở từ câu: “Do nghi ngờ về Diệu trí của Như Lai nói trên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Đây chỉ là mở rộng thêm nghĩa trước.

- Sở từ câu: “Nói nơi chốn”: Tức phần sau của Sở giải lược kết hợp với Bản Luận kia cùng Kinh.

Từ câu: “Ở đây không có khoảng giữa, hai bên, lược có bốn nghĩa” tiếp xuống: Là kết hợp chung với Luận để giải thích nghĩa ấy.

Bốn cách giải thích của phần đầu đều là ý của Bồ tát Vô tánh. Bốn ý ấy gồm:

Một dùng thế giới làm dụ.

Hai: Thân Phật hiện hữu khắp trong các thế giới.

- Hai ý trên đều dùng thế giới.

Ba: Pháp thân biến hiện khắp trong Phật địa.

Bốn: Do khế hợp với Trung đạo.

Nhưng phần Sở giải chỉ dùng ý, nghĩa thì đã hiện rõ khắp.

Nếu nêu đầy đủ văn giải thích của Bồ tát Vô tánh là: “Nghĩa là, như thế giới không có khoảng giữa, hai bên, Phật địa cũng như thế. Nơi chốn của công đức không có phân hạn. Hoặc lại, thế giới với phương sở vô biên, ba Thân của chư Phật tức ở trong ấy, xứng hợp với dung lượng của thế giới, bình đẳng hiện hữu đầy khắp, do Pháp thân an trụ ngay ở trong các thế giới như thế, chẳng phải nơi chốn khác. Hoặc Pháp thân cùng ở trong Phật địa, bình đẳng biến hiện khắp, không có khoảng giữa, không có hai bên, không có phân hạn. Hoặc Pháp thân ấy cùng hiện hữu khắp tất cả nơi chốn, vì các chúng sinh hiện bày, tạo những lợi ích. Nhưng chẳng phải là Tự tánh không có khoảng giữa, không có hai bên.”

Giải thích: Dem bốn đoạn nơi phần Sở giải đối chiếu với đây thì có thể nhận biết. Tức ý của Bồ tát Thân Quang thì đồng với một phần sau.

- Sở câu: “Do Trí vô ngại nên Thân dứt mọi chỗ nương tựa”: Tức dẫn văn nơi phẩm Xuất Hiện, xác nhận đại Viên Cảnh Trí là “Trí của nghĩa” không nương tựa. Cho nên văn nơi phẩm kia viết: Hết thấy pháp Phật dựa nơi Từ bi. Từ bi lại dựa vào phương tiện mà lập. Phương tiện dựa nơi Trí. Trí dựa nơi Tuệ. Tuệ vô ngại nên Thân dứt mọi chỗ nương tựa. Nhưng Tuệ vô ngại tức là Trí căn bản. Trí ấy thấu tóm bốn thứ căn bản, thấu “Đại viên cảnh”. Các nghĩa còn lại như Chuyển y v.v... thì như thập Địa đã nói.

Nghĩa của bốn Trí như trước đã giải thích.

- Sở từ câu: “Nhân nơi Hoặc là chủng tử” tiếp xuống: Là giải thích Pháp thân thanh tịnh. Chữ Thanh tịnh là hai lần sử dụng khắp. Cho nên gọi là “Thấy đã”. Tức là bảy Thức tại nhân nơi bốn Hoặc tương ứng, chỉ có thể nhận lãnh, tóm lấy duyên bên trong, sự huân tập từ bên trong, mà thành chủng tử. Nay bảy Thức này không có bốn Hoặc, có thể sinh khởi tự tại, lại chẳng còn sự huân tập bên trong, nên nói như thế.

- Sở câu: “Gồm chung các nghĩa nêu trên tức có mười Thân”:

Một: Căn cứ nơi Giác tha, đảo ngược lại là nêu rõ về Tự giác là Thân Bồ đề.

Hai :Thành tựu Pháp thân cùng hiển bày lý Như như là Pháp thân.

Ba: Bốn Trí tức là Trí thân.

Bốn: Trang nghiêm với vẻ đẹp vi diệu tức là Thân tướng hảo trang nghiêm.

Năm: Không gì có thể xâm đoạt được ánh sáng, tức là Thân uy thế.

Sáu: Vô số công đức tức là Thân phước đức.

Bảy: Hoặc thị hiện Bồ tát v.v... tức Thân ý sinh.

Tám: Khiến cho chúng sinh lìa Hoặc, tức là Nguyện Thân, cùng với thứ chín là Thân Biến hóa.

Mười: Chỗ thành tựu của sự tạo tác, hành hóa hiện rõ nơi thế gian, tức là Thân lực trì.

Nên nói là đủ mười Thân.

- Sở từ câu: “Do trên nói không có tướng ở giữa, hai bên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Nghĩa là pháp giới ấy” tiếp xuống: Là phần giải thích nghĩa, tức Bồ tát Vô tánh giải thích.

- Sở từ câu: “Do đây tức là câu nói về chỗ tột cùng nơi Pháp giới” tiếp xuống: Là phần Sở giải kết hợp hai Luận để dựa theo văn Kinh. “Thường” tức là ý của Bồ tát Vô tánh ở trước. “Thanh tịnh” là ý của Bồ tát Thân Quang.

- Sở từ câu: “Như Lai cũng như thế” tiếp xuống: Tức so với bảy sự việc của bạn lành nơi thế gian thì ở đây tóm lược không theo đúng thứ tự, nhưng về nghĩa thì gồm đủ. Ba nghĩa trước là chung cho các giáo pháp.

- Nghĩa thứ tư, từ câu: “Thiện căn chưa thuần thực” tiếp xuống: Tức ý nơi Kinh Pháp Hoa.

Tức ở nơi một Phật thừa phân biệt nói làm ba, là Quyển bao trùm Thật. Kết hợp ba để quy về một, chỉ rõ tướng Chân thật, tức là dùng Thật bao trùm Hư. Trên tứ c ý của lần (chu) nói pháp trong kinh Pháp Hoa.

- Nghĩa thứ năm: “Mặc áo cũ rách cấu bẩn” tức ý nơi phẩm Tín Giải. Nghĩa là, chẳng nói về Tướng của mười Liên Hoa tạng, nên gọi là “cởi bỏ chuỗi ngọc báu cùng y phục quý giá, mà nói về ba mươi hai tướng, là “mặc áo cũ rách cấu bẩn”. Lâu chứng đắc Bồ đề, chỉ rõ dùng ba mươi bốn Tâm, đoạn trừ kiết sử, là “Cầm lấy vật dùng để quét dọn, hốt các thứ dơ”.

- Nghĩa thứ sáu: Tức ý nơi phẩm An lạc Hạnh, với dụ “Vua chuyển Luân Thánh Vương mở búi tóc có ngọc Minh châu”. Diệu chỉ viên dung của Nhất Thừa dụ như ngọc Minh châu. Xưa vì Quyền bao trùm, cũng như ngọc báu ở trong búi tóc. Nay, mở Quyền hiển Thật, là mở búi tóc để trao ngọc báu kia.

- Nghĩa thứ bảy: Ý cũng chung cho các giáo pháp.

- Sở từ câu: “Nghĩa là, đối với lợi lạc nêu trên” tiếp xuống: Là phần diễn rộng của Thích Luận.

Từ câu: “Kinh Giải Thâm Mật, Luận Phật Địa” tiếp xuống: Là phần Sở biện giải về sự chia, hợp. Gồm sáu chi tiết:

Một: Căn cứ vào Kinh, Luận để chia, hợp.

Hai: Bồ tát Thân Quang nói về chia.

Ba: Hợp theo nghĩa của Bồ tát Vô Trước.

Bốn: Từ câu: “Bồ tát Thế Thân” tiếp xuống: Là nói hai Thích Luận đều chia.

Năm: Từ câu: “Cùng hiển bày vô tận” tiếp xuống: Là phần Sở giải phán đoán về sự chia, hợp.

Sáu: Từ câu: “Văn nay” tiếp xuống: Là làm rõ ý của kinh hiện nay. Tức hợp đủ nghĩa về hai Lợi theo giải thích của Bồ tát Vô tánh.

Từ câu: “Trong đoạn trước đã hiển bày là luôn tùy thuận chẳng rời bỏ” tiếp xuống: Tức theo Bồ tát Vô tánh là tự lợi.

Từ câu: “Hư không vô tận” tiếp xuống: Gồm hai câu, nêu rõ hai lợi là vô tận. Nay làm rõ chỗ tận cùng nơi Pháp giới, thì trong đó đã có “Lợi lạc vô tận”.

Từ câu: “Vì thuận theo hai Luận” tiếp xuống: Là phần giải thích văn.

- Sở câu: “Hàng phục kẻ oán là già, chết”: Tức nơi kinh duy Ma có câu: “Ví như thắng kẻ oán địch mới có thể gọi là dũng mãnh. Như thế là gồm luôn việc dứt trừ lão, bệnh, tử. Đó là Bồ tát”. Nay mượn để dùng.

- Sở câu: “Như Kinh đại Bát Niết-bàn nói Thuần đà bố thí phước”: Tức nơi quyển thứ hai, kinh viết: “Nay, chỗ cúng dường của con tuy ít, kém...” Phần tiếp sau Phật khiến ông có đầy đủ pháp Bố thí Ba-la-mật, đạt được quả nhiều.

- Sở câu: “Tức là Như Lai là bậc giác ngộ thanh tịnh tốt bậc”: Do ở nơi phần sau cùng nên lại tóm kết, câu câu cũng đều hợp làm kết.

- Sở từ câu: “Về chỗ nêu dẫn ở trên” tiếp xuống: Là hiển bày tổng quát dùng ý của văn, gồm luôn việc tóm kết, phê phán người xưa.

- Sơ câu: “Nếu phối kết riêng về nghĩa thì sẽ thành thiên lệch, không thấu đạt”: Tức nơi phân phê phán chỗ đại sư Hiền Thủ dùng mười câu kết của phần sau để phân định về hai mươi một đức nơi Kinh. Đại sư viết: “Tuy nhiên, chỗ hiện bày về Thân pháp giới của Phật ở đây há lại có hạn lượng? Nay lại dựa vào văn phần kết của đoạn sau, phân làm mười môn, trong đó gồm hai:

Một: Hiền bày đức của mười môn.

Hai: Từ câu: “Như vậy” tiếp xuống: Là chính thức tóm kết về tên gọi của mười môn.

Trong phần một tức là mười đoạn... Vì đại sư đã căn cứ theo Tấn kinh, so với kinh hiện nay có một ít khác biệt. Sợ người xem không hiểu nên kết hợp dùng kinh hiện nay.

- Kinh hiện nay tức đến đoạn “Công đức nơi thiện căn thấy đều thanh tịnh” là đoạn thứ nhất, nói về thần thông tự tại. Từ đoạn thứ hai trở đi là hoàn toàn dựa theo kinh hiện nay. Tức là:

- Đoạn thứ hai, từ câu: “Sắc tướng bậc nhất” tiếp xuống: Là trở lại biện minh cho môn thứ nhất: “Tín giải như vậy”.

- Đoạn thứ ba, từ câu: “Đạt được Nhất thiết Trí, phóng hào quang lớn” tiếp xuống: Là biện minh môn thứ hai: “Quan sát bậc chánh giác”.

- Đoạn thứ tư, từ câu: “Thị hiện sắc thân chẳng thể nghĩ bàn” tiếp xuống: Là biện minh môn thứ ba: “Hội nhập trí tuệ”.

- Đoạn thứ năm, từ câu: “Thường dùng mặt trời Phật soi chiếu khắp pháp giới” tiếp xuống: Là môn thứ bốn: “Nhập vào biển công đức”.

- Đoạn thứ sáu, từ câu: “Do tâm đại từ bi thị hiện vô lượng thân Phật chẳng thể nêu bày hết” tiếp xuống: Là biện minh môn thứ bảy: “Chánh niệm, quan sát hiện tiền”.

- Đoạn thứ bảy, từ câu: “dùng ánh trăng trí tuệ” tiếp xuống: Là biện minh môn thứ năm: “Trí tuệ soi đến khắp hư không”

- Đoạn thứ tám: Từ câu “Phóng lưới hào quang tỏa sáng mười phương” tiếp xuống: Là môn thứ tám: “Quan sát các tướng tốt, thiện của Như Lai”.

- Đoạn thứ chín: Từ câu: “Là bậc đại pháp vương, như mặt trời soi chiếu khắp” tiếp xuống: Là trở lại biện minh môn thứ sáu: “Nhưng biết về phước điền của chúng sinh như thế”.

- Đoạn thứ mười: Từ câu: “Thanh tịnh bậc nhất, sáng tỏ, lìa mọi cấu uế” tiếp xuống: Là trở lại biện minh môn thứ chín: “Quán Phật thị

hiện khắp thế gian như vậy”.

Giải thích: Đây là sự giải thích của đại sư Hiền Thủ về mười môn. Do chỗ tên gọi chung được thấu gồm vào nghĩa riêng đều chẳng đạt đến tận cùng nơi Lý, nên gọi là thiên lệch, không thấu đạt. Hướng chi, nơi chỗ tóm kết lại chẳng nêu ra được đức bên trong, tướng bên ngoài. Đức bên trong không hiển bày được phước, trí. Như thế thì sao có thể thấu tóm được phần văn trước?

Các đức lại được sách San định Ký phân làm mười sáu thứ với ba nghiệp, nhưng trong đoạn, đoạn, phần nhiều đều thiếu ba nghiệp văn cũng dung hợp chưa tận cùng, nên đều là “Thiên lệch, không thấu đạt”. Dựa vào chỗ giải thích hiện nay thì một câu không sót.

- Số Câu: “Mỗi câu đều thấu tóm một Vị”: Tức câu đầu là Tín vị. Câu thứ hai, tăng trưởng là Trụ vị. Câu ba, thanh tịnh là Hành vị. Câu bốn, thành thực là Hưởng vị. Câu năm, điều phục là Địa vị.

- Số câu: “Cũng xứng là năm Hiệu”: Tức một là Thế Tôn. Hai là, Thiện Thệ. Ba là Như Lai. Bốn là Ứng cúng. Năm là Chánh Biến Tri. Nhưng thông thường thì lược nêu ba tôn hiệu sau. Nay thêm hai tôn hiệu trên nên là năm đức.

- Số từ câu: “Có ý kiến cho rằng” tiếp xuống: Là nêu rõ chỗ giải thích của sách San định Ký “Đả phá” đoạn Kinh này. Gồm ba:

Một: Nêu ra.

Hai: Từ câu: “Chưa hẳn đã như thế” tiếp xuống: Là nói tổng quát về chỗ sai trái.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là, thứ nhất thỉnh vào điện” tiếp xuống: Chỉ ra lý chính.

Ý sách kia “Đả phá” cho rằng: “Gọi là vào điện tức an tọa. An tọa xong mới tán dương. Cho nên hợp với phần văn được nhắc lại”. Nay biện minh: Thứ nhất là vào điện xong. Thứ đến là tán dương nơi chốn, mời an tọa. Sau, mới nhận lời thỉnh cầu. Đối với Lý thì có gì là không hợp ?

